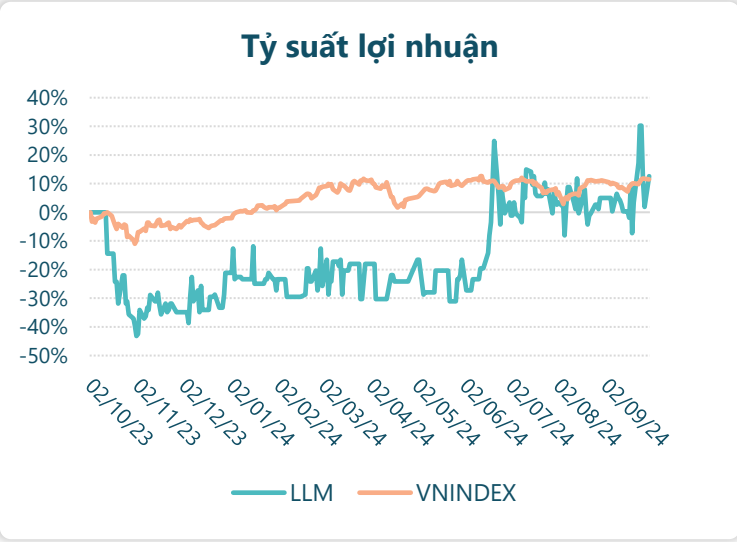


Ngày	14,700 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.3%	14.0%	37.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	7,417 - 17,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,172
Số lượng CPLH (CP)	79,726,104
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,685
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.04)
EPS	1,327
P/E	11.1



Doanh thu thuần
Q3/24

1,748

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 53.0 | 3.1%

YoY: ▲ 377 | 27.5%

LN gộp
Q3/24

87.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.3 | 52.7%

YoY: ▲ 11.3 | 14.7%

LN trước thuế
Q3/24

13.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 6.80 | -32.7%

YoY: ▲ 8.70 | 168%

Nợ/VCSH
Q3/24

556%

YoY: +/- ▲ 38.1%

ROE (TTM)
Q3/24

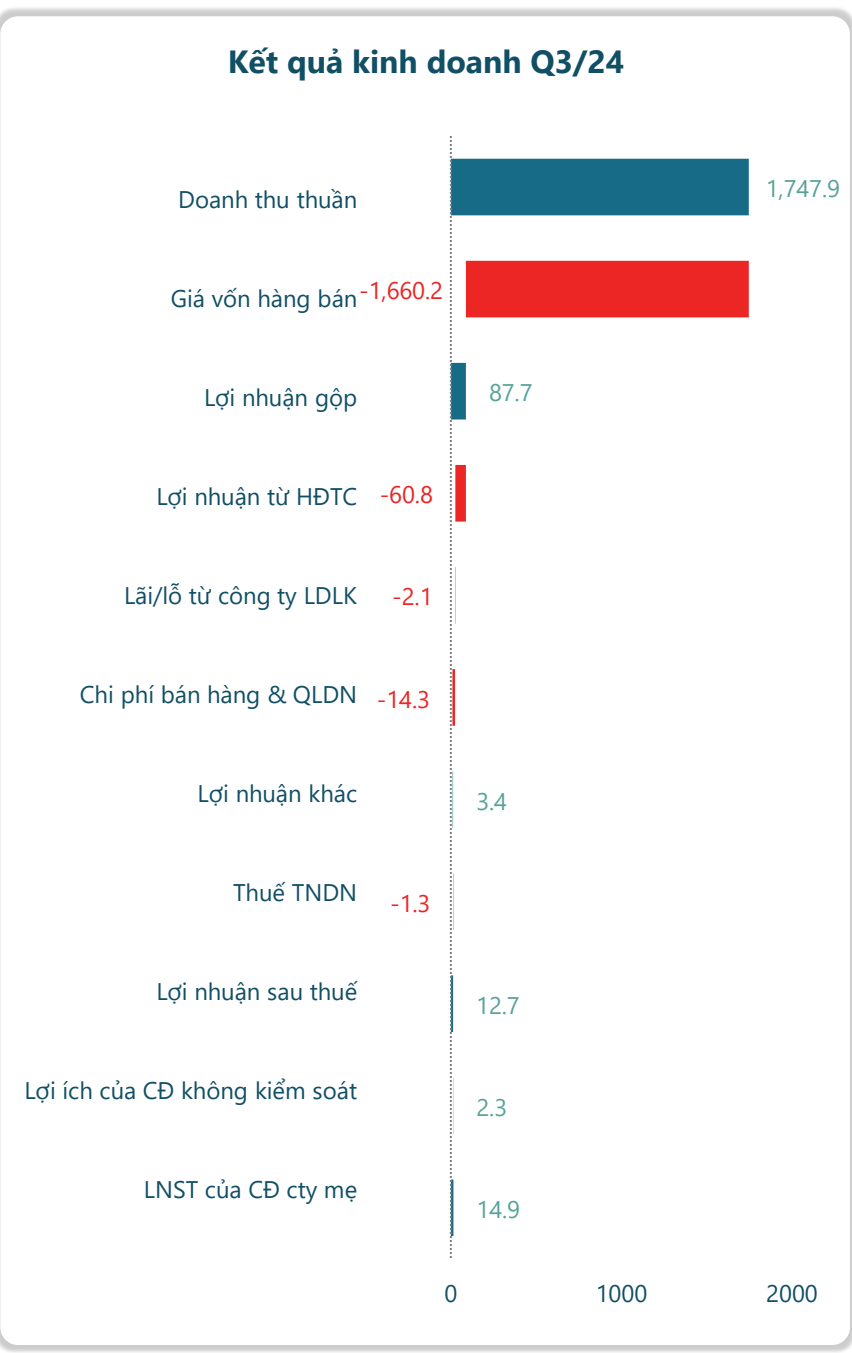
11.0%

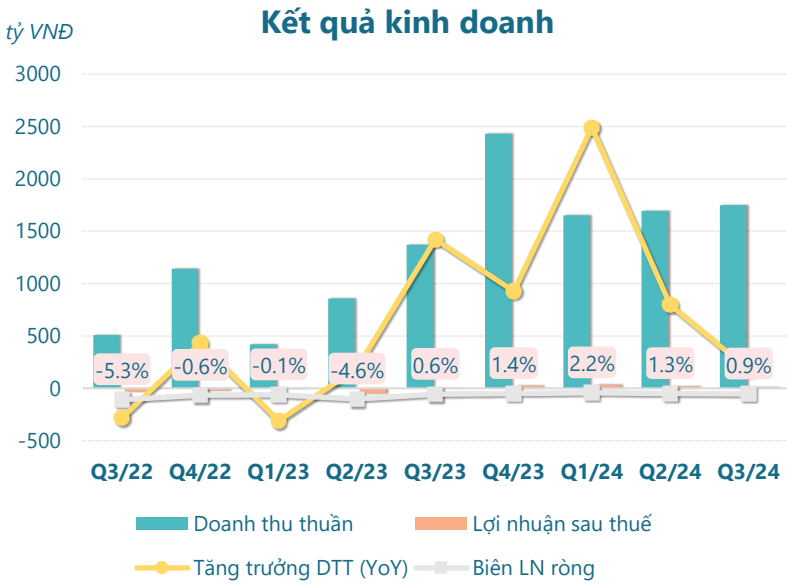
YoY: +/- ▲ 0.7%

ROA (TTM)
Q3/24

1.7%

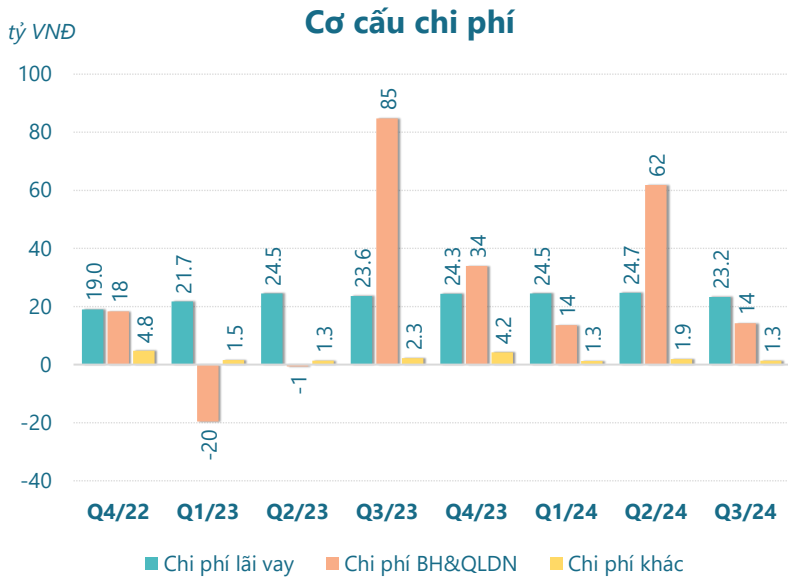
YoY: +/- ▲ 0.1%





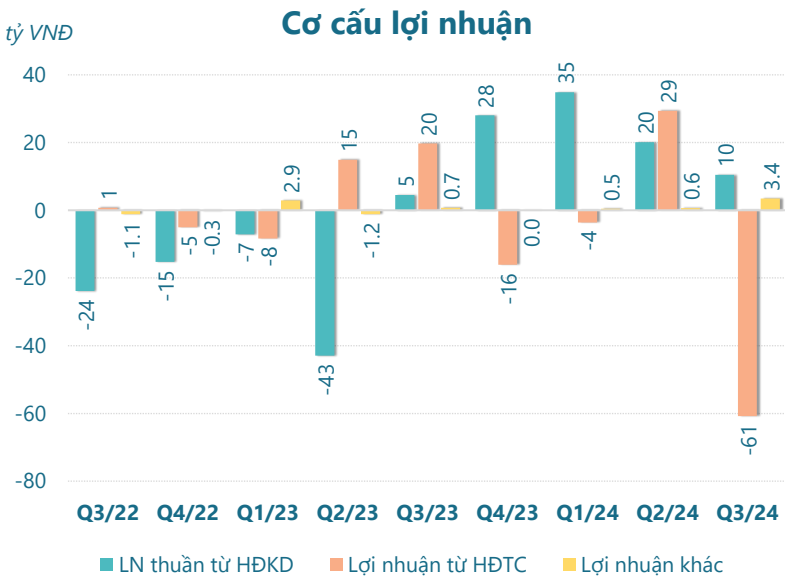
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 10.49 tỷ đồng**, giảm đi 47.8% so với kỳ trước và cao hơn 133% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 60.81 tỷ đồng** giảm đi 307% so với kỳ trước và thấp hơn 408% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 3.45 tỷ đồng**, tăng thêm 439% so với kỳ trước và cao hơn 393% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **LLM** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,748 tỷ đồng** tăng thêm **27.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 12.68 tỷ đồng, tăng trưởng 199%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **5,093 tỷ đồng** cao hơn 92.3% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 66.00 tỷ đồng** tăng thêm 115.0 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



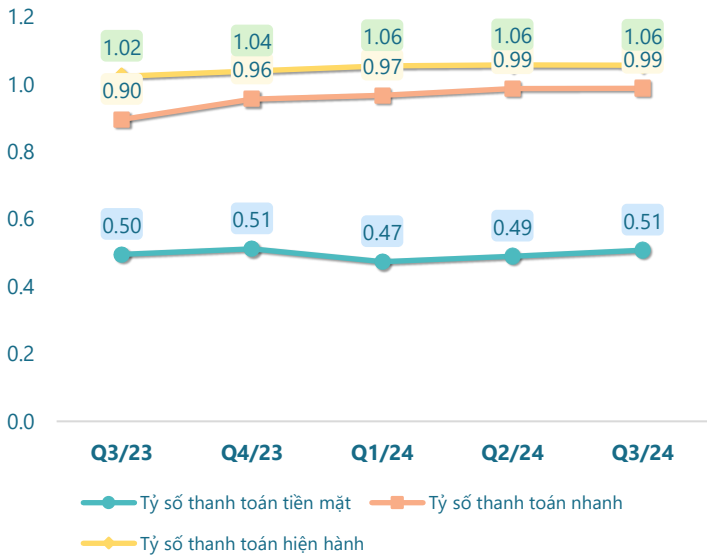
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **23.23 tỷ đồng** giảm đi 5.91% so với kỳ trước và thấp hơn 1.61% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **14.29 tỷ đồng** giảm đi 76.9% so với kỳ trước và thấp hơn 83.1% so với cùng kỳ năm trước.

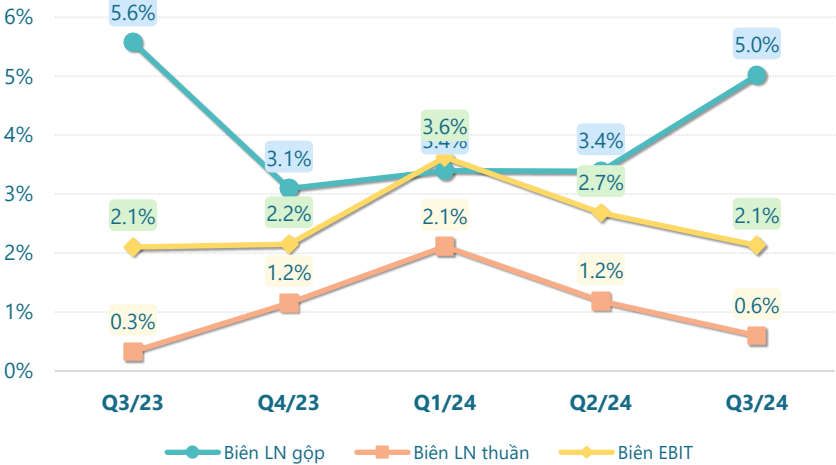
Chi phí khác bằng **1.35 tỷ đồng** giảm đi 28.6% so với kỳ trước và thấp hơn 40.8% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,748	1,695	3.1%	1,371	27.5%	5,093	2,648	92.4%
Giá vốn hàng bán	1,660	1,637	1.4%	1,294	28.3%	4,892	2,628	86.2%
Lợi nhuận gộp	87.7	57.4	52.7%	76.4	14.7%	201	20.0	906%
Doanh thu HĐTC	-21.1	58.4	-136%	47.4	-145%	71.7	119	-39.9%
Chi phí TC	39.7	29.0	36.8%	27.7	43.2%	107	92.9	14.9%
Chi phí lãi vay	23.2	24.7	-6.0%	23.6	-1.6%	72.4	69.8	3.8%
LN trong công ty LKLD	-2.08	-4.86	57.3%	-6.82	69.5%	-11.0	-27.3	59.8%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	14.3	61.9	-76.9%	84.8	-83.1%	89.8	64.6	39.1%
LN thuần từ HĐKD	10.5	20.1	-47.8%	4.51	133%	65.4	-45.5	244%
Lợi nhuận khác	3.45	0.64	438%	0.70	392%	4.58	2.41	90.0%
LN trước thuế	13.9	20.7	-32.7%	5.20	168%	70.0	-43.1	262%
Lợi nhuận sau thuế	12.7	19.2	-34.0%	4.24	199%	65.8	-48.6	235%
LNST của CĐ cty mẹ	14.9	22.1	-32.5%	7.71	93.6%	73.0	-31.7	330%

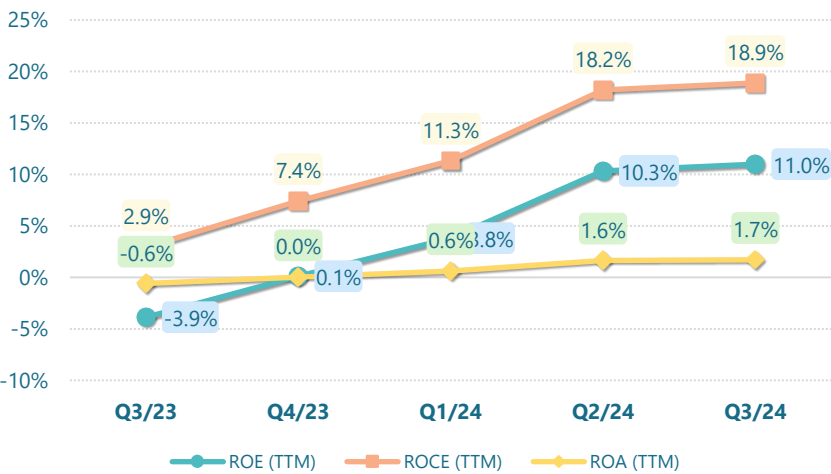
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

